Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ
Phần D: Kinh tế và Pháp luật
website: sj.ctu.edu.vn

DOI:10.22144/jvn.2017.624

QUY ĐỊNH VỀ HẠN CHẾ NĂNG LỰC HÀNH VI DÂN SỰ TRONG BỘ LUẬT DÂN SỰ NĂM 2015

Thân Thị Ngọc Bích
Khoa Luật, Trường Đại học Cần Thơ

Thông tin chung:
Ngày nhận: 03/11/2016
Ngày chấp nhận: 28/02/2017

Title:
Restrictions on civil act capacity in the 2015 Civil code

Từ khóa:
Hạn chế năng lực hành vi, phá tán tài sản, nghiện ma túy, nghiện ngập

Keywords:
Addiction, damage properties, drug addiction, restrictions on civil act capacity

ABSTRACT

The 2015 Civil code succeeds the 1995 Civil code and the 2005 Civil code. Among its articles, this new Code provides restrictions on civil act capacity. However, the contents of this article remain unchanged in comparison with those of the two previous laws, leading to some shortcomings. This note is aimed to provide some analyses in forensic drug test for drug addicted individuals and suggest how to define whether such person has squandered his/her family properties. Followed by some examines focusing on the ability to act other civil rights, such as asking for divorce, of the person who are being restricted on civil act capacity, and therefore, a system to protect such person is needed. Finally, definitions of some legal terms and some solutions to reform the relevant provisions were provided.

TÓM TẮT

Bộ luật dân sự năm 2015 kế thừa Bộ luật dân sự năm 2005 và Bộ luật dân sự năm 1995, tiếp tục quy định về trường hợp "hạn chế năng lực hành vi dân sự". Tuy nhiên, nội dung quy định lại hầu như không thay đổi dù còn nhiều vấn đề bất cập. Trong bài viết này, tác giả phân tích, làm rõ các vấn đề nổi bật, gồm có: Vấn đề chưa quy định về giám định việc nghiện ma túy, chất kích thích khác; Vấn đề quy định tác nhân gây nghiện chưa sát thực tiễn; Vấn đề tài sản bị phá tán; Vấn đề về khả năng thực hiện quyền, nghĩa vụ dân sự của người hạn chế năng lực hành vi dân sự; Vấn đề thiếu cơ chế bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người hạn chế năng lực hành vi dân sự. Song song việc trình bày bất cập, tác giả giải thích một số thuật ngữ khác mà luật chưa làm rõ và đề xuất giải pháp hoàn thiện.

Trích dẫn: Thân Thị Ngọc Bích, 2017. Quy định về hạn chế năng lực hành vi dân sự trong Bộ luật Dân sự năm 2015. Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ. 48d: 1-12.

1 ĐẶT VẤN ĐỀ

Trường hợp hạn chế năng lực hành vi dân sự được đề cập qua nhiều văn bản ở các thời kỳ khác nhau, từ Bộ luật dân sự (BLDS) năm 1995, BLDS năm 2005 và mới nhất có BLDS năm 2015. Tuy nhiên, hầu như các văn bản không thay đổi nhiều khi quy định về trường hợp hạn chế năng lực hành vi dân sự. Do vậy, trường hợp này vẫn còn nhiều bất cập, nhiều nội dung chưa được làm rõ, chưa sát thực tiễn. Tác giả tiến hành phân tích, làm rõ các vấn đề này thông qua việc nghiên cứu về: Điều kiện xác định người hạn chế năng lực hành vi dân sự; Hậu quả pháp lý về khả năng thực hiện quyền, nghĩa vụ dân sự của người hạn chế năng lực hành vi dân sự.

2 ĐIỀU KIỆN XÁC ĐỊNH NGƯỜI HẠN CHẾ NĂNG LỰC HÀNH VI DÂN SỰ - BẤT CẬP VÀ HƯỚNG HOÀN THIỆN

2.1 Điều kiện xác định người hạn chế năng lực hành vi dân sự

Trước hết, cần làm rõ thuật ngữ "năng lực hành vi dân sự đầy đủ" bởi vì các BLDS từ trước đến nay chưa đưa ra khái niệm của thuật ngữ này. Theo Từ điển tiếng Việt, "đầy đủ" nghĩa là "*có đủ tất cả, không thiếu thứ gì so với yêu cầu*" (Hoàng Phê, 1998). Kết hợp với Điều 19 BLDS năm 2015 có thể định nghĩa: "*Năng lực hành vi dân sự đầy đủ là trường hợp cá nhân có khả năng bằng hành vi của mình xác lập, thực hiện tất cả các quyền, nghĩa vụ dân sự*". Một người từ đủ 18 tuổi trở lên là người có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, trừ trường hợp bị mất năng lực hành vi dân sự, hạn chế năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi.

Cũng theo Từ điển tiếng Việt, "hạn chế" là giữ lại, ngăn lại trong một giới hạn nhất định, không để vượt qua, như hạn chế chi tiêu (Hoàng Phê, 1998). Thông qua nghĩa của từ "hạn chế", suy ra "hạn chế hành vi" mang ý nghĩa tiêu cực, nhằm giới hạn chủ thể không thực hiện hành vi mà đáng lẽ ra mình được phép thực hiện vì một lý do nào đó. Vì vậy, hạn chế năng lực hành vi dân sự tức là một người bình thường đã có năng lực hành vi đầy đủ nhưng vì lý do nào đó bị giới hạn lại khả năng tự mình thực hiện một số quyền và nghĩa vụ đã có. Qua đây có thể đưa ra định nghĩa về hạn chế năng lực hành vi dân sự như sau: *"Hạn chế năng lực hành vi dân sự là trường hợp cá nhân bị giới hạn khả năng tự mình xác lập, thực hiện quyền và nghĩa vụ dân sự so với trước khi bị Tòa án ra quyết định tuyên bố hạn chế năng lực hành vi dân sự".*

Tình trạng hạn chế năng lực hành vi dân sự dựa trên tiền đề là tình trạng "nghiện" ma túy, chất kích thích của cá nhân. Do vậy, BLDS không quy định độ tuổi của người bị tuyên bố hạn chế năng lực hành vi dân sự. Cũng vì thế, người hạn chế năng lực hành vi có thể là người thành niên hoặc người chưa thành niên. Trên thực tế, nếu gia đình có người nghiện ngập thì người thân thích của người nghiện hay đặt vấn đề làm cách nào để giới hạn khả năng giao dịch đối với người nghiện thành niên, tránh cho họ phá tán tài sản. Còn nếu người nghiện chưa thành niên hầu như người thân thích của người nghiện không đặt vấn đề giới hạn giao dịch dân sự. Trường hợp này, gia đình chủ yếu tìm cách để người chưa thành niên cai nghiện. Người viết cho rằng, tâm lý của người chưa thành niên chưa phát triển toàn diện. Nếu yêu cầu Tòa án tuyên bố họ hạn chế năng lực hành vi dân sự sẽ dễ ảnh hưởng tiêu cực đến sự phát triển tâm lý, bởi xét cho cùng, hạn chế năng lực hành vi dân sự là chế tài dân sự áp dụng cho người vi phạm quyền, lợi ích của người khác. Đối với người chưa thành niên, chú trọng khuyến khích, động viên cai nghiện hơn là giới hạn giao dịch tài sản.

Ví dụ: Trường hợp nhà ông Nguyễn Văn Nam, quận Đống Đa, Hà Nội, con trai ông Nam nghiện ma túy và đang áp dụng hình thức cai nghiện ma túy tại gia đình được khoảng 1 tháng. Tuy nhiên, ông Nam theo dõi thấy cháu vẫn có hành vi lén lút bán tài sản của cá nhân và gia đình. Để tránh việc con ông phá tán tài sản, ông có thể làm đơn yêu cầu Tòa án tuyên bố con ông bị hạn chế năng lực hành vi dân sự (Nguyễn Văn Hải, 2011).

Hơn nữa, những người chưa đủ 18 tuổi về mặt pháp lý chỉ có thể thực hiện những giao dịch dân sự phục vụ nhu cầu sinh hoạt hàng ngày phù hợp với lứa tuổi (người chưa đủ 6 tuổi thì xác lập, thực hiện giao dịch dân sự thông qua người đại diện), trừ một số trường hợp ngoại lệ khác (Điều 21 BLDS năm 2015, Điều 18, Điều 20, Điều 21 BLDS năm 2005). Đối với các giao dịch dân sự vượt ngoài phạm vi sinh hoạt hàng ngày và mang tính chất phá tán tài sản, người đại diện theo pháp luật của người chưa thành niên có quyền yêu cầu Tòa án tuyên bố giao dịch dân sự vô hiệu nếu giao dịch đã thực hiện nhưng chưa có sự đồng ý của người đại diện (Điều 125 BLDS năm 2015). Đồng thời, pháp luật cũng có quy định bảo vệ người chưa thành niên bằng việc bắt buộc phải có đại diện theo pháp luật (Điều 21, Điều 47, Điều 136 BLDS năm 2015 và các quy định khác trong Luật hôn nhân & gia đình năm 2014) nên có thể không cần áp dụng quy định ở Điều 24 BLDS năm 2015 về người hạn chế năng lực hành vi dân sự cho những người chưa thành niên lâm vào tình trạng nghiện ngập (Hoàng Thế Liên, 2008).

Qua phân tích, có thể thấy hạn chế năng lực hành vi dân sự là trường hợp luật định nhằm giới hạn lại những quyền, nghĩa vụ dân sự đáng lẽ ra một cá nhân được thụ hưởng. Việc giới hạn quyền này mang ý nghĩa tiêu cực, như một chế tài dân sự nhằm hạn chế người nghiện phá tán tài sản gia đình. Bên cạnh đó, việc tuyên bố hạn chế năng lực hành vi dân sự có mục đích chính là nhằm bảo vệ quyền lợi của chính người bị tuyên hạn chế năng lực hành vi (cụ thể là bảo vệ khối tài sản của người hạn chế năng lực hành vi do cho rằng người này ở trong tình trạng nghiện ngập nên khả năng nhận thức lệch lạc, có hành vi phá tán tài sản của bản thân và gia đình); qua đó, gián tiếp bảo vệ lợi ích của gia đình người này.

Điều 24 BLDS năm 2015 đặt ra ba điều kiện để cá nhân bị tuyên bố hạn chế năng lực hành vi dân sự. Ba điều kiện này cho thấy hạn chế năng lực hành vi dân sự có thể hiểu như chế tài dân sự. Cụ thể như sau:

– Cá nhân phải ở trong tình trạng nghiện ma túy, nghiện các chất kích thích khác;

– Việc nghiện ngập dẫn đến hậu quả phá tán tài sản gia đình;

– Tòa án ra quyết định tuyên bố cá nhân hạn chế năng lực hành vi dân sự.

2.1.1 Cá nhân phải ở trong tình trạng nghiện ma túy, nghiện các chất kích thích khác

Theo Điều 24 BLDS năm 2015, điều kiện đầu tiên để tuyên bố cá nhân hạn chế năng lực hành vi dân sự là cá nhân phải ở trong tình trạng nghiện ma túy, nghiện các chất kích thích khác (Điều 24 BLDS năm 2015 quy định tương tự Điều 23 BLDS năm 2005). Vấn đề là BLDS năm 2015 không quy định một người sử dụng ma túy, chất kích thích khác ở mức độ như thế nào được cho là "nghiện", và BLDS năm 2015 cũng không định nghĩa "ma túy", "chất kích thích khác". Vậy, cần làm rõ ba nội dung: định nghĩa "ma túy", định nghĩa "chất kích thích khác", xác định tình trạng "nghiện".

Một là, làm rõ về việc xác định chất "ma túy" theo quy định pháp luật. Theo Điều 1 Nghị định số 82/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của Chính phủ ban hành danh mục các chất ma túy và tiền chất thì chất ma túy là các chất gây nghiện, chất hướng thần được quy định trong các danh mục do Chính phủ ban hành. Trong đó, "*chất gây nghiện là chất kích thích hoặc ức chế thần kinh, dễ gây tình trạng nghiện đối với người sử dụng*; *chất hướng thần là chất kích thích, ức chế thần kinh hoặc gây ảo giác, nếu sử dụng nhiều lần có thể dẫn tới tình trạng nghiện đối với người sử dụng*" (Điều 2 Văn bản hợp nhất số 13/VBHN-VPQH của Văn phòng Quốc hội ngày 23/7/2013). Điểm khác nhau giữa chất gây nghiện và chất hướng thần là: Chất gây nghiện chỉ cần một lần sử dụng cũng dễ gây nghiện; Chất hướng thần thì có thể dẫn đến tình trạng nghiện nếu sử dụng nhiều lần. Các chất được cho là ma túy theo quy định vừa dẫn có thể liệt kê như sau:

– Chất gây kích thích thần kinh dễ gây tình trạng nghiện;

– Chất gây ức chế thần kinh dễ gây tình trạng nghiện;

– Chất kích thích, ức chế thần kinh nếu sử dụng nhiều lần có thể dẫn đến tình trạng nghiện;

– Chất gây ảo giác nếu sử dụng nhiều lần có thể dẫn đến tình trạng nghiện.

Hai là, làm rõ việc xác định "chất kích thích khác" theo quy định pháp luật. Hiện chưa có văn bản hướng dẫn về chất kích thích khác. Theo Từ điển tiếng Việt, "kích thích" tức là tác động vào giác quan hoặc hệ thần kinh (Hoàng Phê, 1998). Có thể thấy, tác động cuối cùng của hoạt động "kích thích" là tác động lên hệ thần kinh vì hệ thần kinh là bộ phận điều khiển nhận thức, hành vi của con người. Do vậy, chất kích thích là những chất tác động lên hệ thần kinh của con người.

Hơn nữa, trên phương diện y học, chất kích thích thần kinh được định nghĩa là các chất khi đưa vào cơ thể làm tăng cường hoạt động của hệ thần kinh trung ương. Chất kích thích bao gồm: Amphetamine và các chất giống Amphetamine (Amphetamine and Amphetamine - like); cocaine; các ma túy hợp pháp: cà phê, thuốc lá; một số thuốc chống trầm cảm, thuốc chống tiết Acetylcholine khi dùng liều cao, kéo dài. Các chất này có tác dụng dược lý như: Thay đổi nhịp tim, huyết áp, giãn đồng tử, đổ mồ hôi, ớn lạnh, nôn, ói mửa; tăng hoạt động, nhận xét sai lệch, dễ bị kích động; lạm dụng kéo dài sẽ thay đổi hành vi: hung hăng, liều lĩnh, nóng giận, nghi ngờ, trường hợp nặng bị loạn thần, hoang tưởng kịch phát. Ngừng thuốc sau một thời gian dài sử dụng, với liều cao sẽ bị hội chứng cai: cơ thể mệt mỏi, ủ rũ, mất ngủ, có thể dẫn đến mê sảng (Trung tâm Điều dưỡng và Cai nghiện ma túy Thanh Đa, 2016). Vậy, chất kích thích nói chung có thể được định nghĩa như sau: "*Chất kích thích là chất khi đưa vào cơ thể làm tăng cường hoạt động của hệ thần kinh trung ương, có thể gây tình trạng nghiện cho người sử dụng*". Ngoại trừ ma túy là một dạng chất kích thích đã được văn bản pháp luật giải thích những chất khác nếu phù hợp với khái niệm vừa nêu sẽ được xem là "chất kích thích khác" được đề cập trong Điều 24 BLDS năm 2015.

Ba là, làm rõ vấn đề xác định việc "nghiện" được đề cập tại Điều 24 BLDS năm 2015. Chính phủ đã ban hành Nghị định 94/2010/NĐ-CP vào ngày 09/9/2010 quy định về tổ chức cai nghiện ma túy tại gia đình, tại cộng đồng. Theo đó, đối tượng cai nghiện là những người nghiện ma túy, được xác định theo kết quả giám định. Như vậy, muốn biết một người "nghiện" ma túy thì cần phải giám định. Đối với việc nghiện chất kích thích khác, theo tác giả cũng được giám định bởi các chủ thể có thẩm quyền như Nghị định 94/2010/NĐ-CP quy định, bởi, việc sử dụng hóa chất sẽ tác động lên cơ thể con người nên không thể chỉ dựa vào biểu hiện bên ngoài để xác định việc nghiện mà cần được giám định bởi chủ thể có chuyên môn. Theo Điều 5 Thông tư liên tịch số 03/2012/TTLT-BLĐTBXH-BYT-BCA của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội-Bộ Y tế-Bộ Công an quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 94/2010/NĐ-CP ngày 09/9/2010 của Chính phủ

quy định về tổ chức cai nghiện ma túy tại gia đình, cai nghiện ma túy tại cộng đồng:

"Người có thẩm quyền xác định người nghiện ma túy khi đủ các điều kiện sau:

1. Là bác sỹ hoặc y sỹ có chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh theo quy định của Luật Khám bệnh, chữa bệnh và có chứng chỉ tập huấn về điều trị cắt cơn nghiện ma túy do Sở Y tế các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương cấp.

2. Thuộc trong các đối tượng sau

– Trạm trưởng trạm Y tế cấp xã;

– Bệnh xá trưởng Bệnh xá Quân y;

– Giám đốc, Trưởng khoa Khám bệnh các Phòng khám khu vực, Bệnh viện cấp huyện trở lên;

– Giám đốc, Trưởng Phòng Y tế của Trung tâm cai nghiện ma túy".

Mặc dù Điều 24 BLDS năm 2015 không quy định việc "nghiện" có buộc phải giám định hay không. Tuy nhiên, Tòa án muốn ra quyết định tuyên bố cá nhân hạn chế năng lực hành vi dân sự thì phải dựa trên tài liệu, chứng cứ đương sự giao nộp để chứng minh yêu cầu của họ là có căn cứ, hợp pháp. Đồng thời, Bộ y tế đã ban hành hướng dẫn chẩn đoán người nghiện ma túy nhóm Opiats (Quyết định số 5075/QĐ-BYT ngày 12/12/2007 của Bộ y tế hướng dẫn chẩn đoán người nghiện ma túy nhóm Opiats). Điều này cho thấy việc xác định tình trạng "nghiện" phải qua chẩn đoán, giám định của cơ quan chuyên môn. Do vậy, để xác định một người có nghiện hay không khi xét đơn yêu cầu tuyên bố một người hạn chế năng lực hành vi dân sự, Tòa án phải cần kết quả giám định từ những tổ chức chuyên môn, tương tự như quy định trong Thông tư liên tịch số 03/2012/TTLT-BLĐTBXH-BYT-BCA.

2.1.2 Việc nghiện ngập dẫn đến hậu quả phá tán tài sản gia đình

Giữa việc nghiện ngập và phá tán tài sản phải có mối quan hệ nhân quả với nhau, "nghiện" là nguyên nhân và "phá tán" là hậu quả. Nếu việc phá tán tài sản không do nghiện ngập gây ra thì chưa đủ điều kiện tuyên bố cá nhân hạn chế năng lực hành vi dân sự. Cho nên, việc xác định hành vi "phá tán" và "tài sản gia đình" rất quan trọng. Tuy nhiên, BLDS năm 2015 không giải thích về "phá tán tài sản" và "tài sản gia đình".

Theo Từ điển tiếng Việt, "phá tán" là làm cho tan nát hết, thường nói về của cải (Hoàng Phê, 1998). Suy đoán có ba trường hợp dẫn đến "phá tán" tài sản. *Một là,* người nghiện thực hiện giao dịch định đoạt làm sụt giảm giá trị tài sản, hao hụt khối tài sản gia đình. *Hai là,* người nghiện thực hiện những giao dịch không mang tính chất định đoạt tài sản nhưng gián tiếp làm hao hụt tài sản khác trong khối tài sản. Ví dụ: A đem cầm cố máy tính bảng của anh trai để lấy tiền mua heroin hít. Anh trai A phải dùng tiền để chuộc máy tính về. Trong tình huống này, A không trực tiếp định đoạt máy tính của anh trai, nhưng anh trai A phải tiêu tốn khoản tài sản khác mới chuộc được máy tính về. *Ba là,* người nghiện không thực hiện các hành vi không phải giao dịch dân sự nhưng hậu quả dẫn đến tiêu hủy tài sản hoặc là gia đình phải tiêu tốn tài sản để khắc phục hậu quả do hành vi của người nghiện gây ra. Ví dụ: sau khi A hít heroin thì tinh thần hưng phấn dẫn đến đập phá tài sản gia đình để phát tán sự hưng phấn.

Theo khoản 2 Điều 3 Luật hôn nhân & gia đình năm 2014: *"Gia đình là tập hợp những người gắn bó với nhau do hôn nhân, quan hệ huyết thống hoặc quan hệ nuôi dưỡng, làm phát sinh các quyền và nghĩa vụ giữa họ với nhau theo quy định của Luật này"*. Như vậy, tài sản gia đình sẽ là khối tài sản thuộc sở hữu của những người có mối quan hệ hôn nhân, huyết thống, nuôi dưỡng. Người nghiện có thể có phần quyền sở hữu hoặc không có phần quyền sở hữu khối tài sản gia đình. Trong Điều 24 BLDS năm 2015 không quy định rõ về việc người nghiện có quyền hay không có quyền sở hữu khối tài sản gia đình bị phá tán. Cho nên, việc phá tán tài sản của người nghiện bao gồm phá tán tài sản gia đình mà người nghiện có quyền sở hữu và phá tán tài sản gia đình mà người nghiện không có quyền sở hữu. Nhìn chung, phá tán tài sản gia đình là hành vi của người nghiện gây ảnh hưởng tiêu cực đến tài sản thuộc sở hữu của những người có mối quan hệ hôn nhân, huyết thống, nuôi dưỡng với nhau, trong đó, người nghiện có thể là đồng sở hữu của khối tài sản này.

2.1.3 Tòa án ra quyết định tuyên bố cá nhân hạn chế năng lực hành vi dân sự

Dựa trên yêu cầu của người có quyền, lợi ích liên quan hoặc của cơ quan, tổ chức hữu quan, Tòa án tuyên bố người nghiện hạn chế năng lực hành vi dân sự (Điều 24 BLDS năm 2015, Điều 23 BLDS năm 2005). Căn cứ Điều 24 BLDS năm 2015, có hai nhóm chủ thể có quyền yêu cầu: *Một là,* người có quyền, lợi ích liên quan; *Hai là,* cơ quan, tổ chức hữu quan. BLDS năm 2005 và BLDS năm 2015 không giải thích rõ về người có quyền, lợi ích liên quan và cơ quan, tổ chức hữu quan. Theo tác giả, hạn chế năng lực hành vi dân sự là loại năng lực hành vi được xác định trong phạm vi quan hệ dân sự, dùng để bảo vệ tài sản gia đình. Cho nên quyền, lợi ích liên quan của người yêu cầu chính là

quyền dân sự, lợi ích dân sự liên quan đến tài sản gia đình bị người hạn chế năng lực hành vi dân sự phá tán.

Ví dụ: Ông A có vợ, con và đang phụng dưỡng mẹ già. Tuy nhiên, A nghiện ma túy nhiều năm, ngày nào cũng tiêu phí tiền của để thỏa mãn cơn nghiện, đồng thời mỗi lần sử dụng ma túy xong ông A lại đánh vợ, con và chửi mắng mẹ già. Nếu như A tiêu phí hết tài sản do vợ chồng ông A tạo lập thì mẹ, vợ và con ông A sẽ không đủ khả năng tài chính để duy trì cuộc sống. Mẹ ông A (không có quyền sở hữu đối với tài sản đang bị ông A phá tán) trong trường hợp này có quyền yêu cầu Tòa án tuyên bố ông A bị hạn chế năng lực hành vi dân sự để ngăn chặn ông A phá tán tài sản vì mẹ ông A có quyền được nhận cấp dưỡng từ ông A, nếu ông A phá tán tài sản thì có thể không đủ điều kiện tài chính để thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng.

Ngoài việc quy định chủ thể có quyền yêu cầu là người có quyền, lợi ích liên quan, Điều 24 BLDS năm 2015 còn cho phép cơ quan, tổ chức hữu quan cũng có quyền yêu cầu Tòa án tuyên bố người nghiện hạn chế năng lực hành vi dân sự. Luật chưa quy định cụ thể về "cơ quan, tổ chức hữu quan". Theo từ điển tiếng Việt (1998) của Hoàng Phê, "hữu quan" là có liên quan. Vậy, cơ quan, tổ chức hữu quan đề cập trong Điều 24 BLDS năm 2015 là cơ quan, tổ chức có liên quan đến việc tuyên bố người nghiện hạn chế năng lực hành vi. Sự "liên quan" mà luật đề cập có thể là liên quan về nhiều mặt như: liên quan về quyền, về lợi ích, về thẩm quyền quản lý… Tuy nhiên, cơ quan, tổ chức hữu quan không phải là cơ quan, tổ chức có liên quan về quyền, lợi ích mà là liên quan về thẩm quyền quản lý vì Điều 24 đã đề cập đến "người có quyền, lợi ích liên quan" – "người" ở đây được hiểu gồm cá nhân và tổ chức.

Tại Phần thứ 6 của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS) năm 2015 quy định về thủ tục giải quyết việc dân sự không quy định cơ quan, tổ chức hữu quan nào có quyền yêu cầu giải quyết việc dân sự. Tuy nhiên, Điều 361 BLTTDS năm 2015 cho phép áp dụng quy định ở phần khác nếu như Phần thứ 6 của BLTTDS năm 2015 không quy định. Theo đó, Điều 187 BLTTDS năm 2015 quy định về "Quyền khởi kiện vụ án dân sự để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khác, lợi ích công cộng và lợi ích của Nhà nước", trong Điều 187 này không quy định về cơ quan, tổ chức có quyền yêu cầu Tòa án tuyên bố một người hạn chế năng lực hành vi dân sự.

Căn cứ Điều 187, cơ quan, tổ chức muốn khởi kiện vụ án dân sự thì vụ án dân sự đó phải nằm trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình. Suy ra, đối với việc dân sự, cơ quan, tổ chức hữu quan trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình mới có quyền yêu cầu Tòa án tuyên bố cá nhân hạn chế năng lực hành vi dân sự. Để khắc phục thiếu sót này, pháp luật tố tụng dân sự cần bổ sung quy định về cơ quan, tổ chức hữu quan có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết việc dân sự nói chung, yêu cầu tuyên bố người hạn chế năng lực hành vi dân sự nói riêng. Cụ thể, cơ quan, tổ chức có quyền yêu cầu có thể là cơ quan, tổ chức có nhiệm vụ, quyền hạn quản lý nhà nước về vấn đề cai nghiện, tệ nạn xã hội.

2.2 Bất cập và hướng hoàn thiện điều kiện để tuyên bố cá nhân hạn chế năng lực hành vi dân sự

2.2.1 Quy định về tác nhân gây nghiện

Bất cập

Theo Điều 24 BLDS năm 2015, tác nhân gây nghiện là ma túy, chất kích thích khác, tức là hóa chất. Tuy nhiên, tác giả nhận thấy thực tiễn cá nhân có thể bị những tác nhân khác gây "nghiện". Theo Nguyễn Khắc Dũng – bác sĩ Bệnh viện tâm thần ban ngày Mai Hương: "*Nghiện là sự lệ thuộc, thèm muốn 1 tác nhân (1 chất,1 thứ gì đó) mà khi giảm hoặc ngừng có thể dẫn đến các triệu chứng đặc thù về cơ thể, sinh lý và tâm thần*". Theo đó, ngoài nghiện ma túy, chất kích thích khác, cá nhân còn có thể bị tác nhân phi vật chất gây ra tình trạng nghiện – còn gọi là "nghiện hành vi". Ví dụ: nghiện cờ bạc, nghiện game, nghiện tình dục… Một mặt, để thỏa mãn ham muốn, người "nghiện" hoang phí tài sản – đặc biệt là nghiện cờ bạc, nghiện game. Mặt khác, các rối loạn nghiện cờ bạc thường kết hợp với rối loạn nhân cách như rối loạn sự thích ứng, rối loạn phân ly, tự yêu, trạng thái phụ thuộc hoặc nhân cách bệnh chống xã hội (Nguyễn Khắc Dũng, 2016). Dĩ nhiên, hậu quả vẫn chưa đến mức không có khả năng nhận thức, điều khiển hành vi đủ để yêu cầu tuyên bố người nghiện này mất năng lực hành vi dân sự theo Điều 22 BLDS năm 2015.

Một ý kiến khác, theo Bùi Quang Huy, Chủ nhiệm Khoa Tâm thần, Bệnh viện 103 thì: *"Với người nghiện cờ bạc, đa số bệnh nhân và người nhà chỉ cho đó là hư hỏng. 100% bệnh nhân không chịu thừa nhận mình mắc bệnh, nên công tác chữa trị chỉ được thực hiện khi bệnh nhân gây ra nhiều hậu quả lớn về kinh tế, tinh thần..."*. Bên cạnh các trò cờ bạc, trên thực tế, cá độ online ngày càng phổ biến và nguy hiểm ở chỗ những hình ảnh, âm nhạc, con số người đặt gây ra kích thích trung khu gây hưng phấn cờ bạc. Khi đó mọi hưng phấn về công việc, âm nhạc, chơi thể thao… sẽ suy giảm, nhường chỗ cho hưng phấn cờ bạc, kích thích con

nghiện càng đánh to hơn nữa. Đây là một dạng bệnh lý tâm thần khiến người bệnh đam mê, hưng phấn với cờ bạc. Nguyên nhân xuất phát từ việc thiếu hụt chất serotonin trong não từ 50-70% so với người bình thường. Bệnh lý này có tính di truyền và sẽ bùng phát nếu được đặt vào môi trường cờ bạc, tìm cách gỡ gạc khi thua lỗ (Hà Quyên, 2016).

Hướng hoàn thiện

Từ phân tích này, có thể kết luận, ngoài tác nhân hóa chất, cá nhân còn có thể bị gây nghiện bởi những tác nhân phi vật chất như nghiện cờ bạc, nghiện game... Do đó, Điều 24 BLDS năm 2015 cần bổ sung thêm tác nhân phi vật chất gây nghiện cho cá nhân dẫn đến phá tán tài sản để phù hợp với tình hình thực tiễn. Sau đó, ban hành văn bản hướng dẫn về những tác nhân phi vật chất. Có thể hướng dẫn dưới dạng liệt kê các tác nhân phi vật chất, bao gồm: cờ bạc, game… Đồng thời, việc nghiện này cũng cần được giám định bởi tổ chức có chuyên môn về xác định tình trạng nghiện.

2.2.2 Quy định về điều kiện tuyên bố một người hạn chế năng lực hành vi dân sự

Bất cập

BLDS năm 2015 chỉ quy định về trường hợp nghiện ngập dẫn đến phá tán tài sản, nhưng thực tế có nhiều trường hợp phá tán tài sản khác ngoài tác nhân nghiện ngập. Ví dụ: tiêu xài hoang phí. Trong hai điều kiện "nghiện" và "phá tán tài sản", thì nhà làm luật muốn nhấn mạnh điều kiện về "phá tán tài sản". Bởi, nếu không có hậu quả phá tán tài sản thì không thể yêu cầu Tòa án tuyên bố hạn chế năng lực hành vi dân sự. Đồng thời, mục đích của Điều 24 BLDS năm 2015 nhằm bảo vệ tài sản gia đình. Do đó, bảo vệ tài sản là mục đích cơ bản của Điều 24 BLDS năm 2015 và Điều 24 nên quy định thêm hành vi dẫn đến phá tán tài sản để phù hợp với thực tiễn.

Trong Bộ luật dân sự Pháp có quy định về trường hợp tương tự người hạn chế năng lực hành vi của BLDS Việt Nam. Tại Điều 488 Bộ luật dân sự Pháp (Luật năm 1974) quy định (Nhà pháp luật Việt – Pháp, 2005):

"Tuổi thành niên là mười tám tuổi tròn; người đủ tuổi này có khả năng thực hiện mọi giao dịch dân sự.

Tuy nhiên, người thành niên mà năng lực hành vi bị biến đổi khiến cho người đó lâm vào tình trạng không thể tự mình thực hiện các quyền của mình thì được pháp luật bảo hộ khi thực hiện những hành vi cụ thể hoặc được pháp luật bảo hộ liên tục.

Người thành niên do hoang phí, do lối sống vô độ hoặc do lười biếng mà rơi vào cảnh nghèo túng hoặc không đảm bảo được việc thực hiện các nghĩa vụ gia đình cũng có thể chịu sự bảo hộ của pháp luật".

Theo Điều 488 này, một người đủ 18 tuổi, có khả năng nhận thức và điều khiển hành vi sẽ có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và tự mình tham gia mọi giao dịch dân sự. Cũng theo Điều 488 này, có những chủ thể tuy đã thành niên nhưng vẫn không được tự mình xác lập giao dịch dân sự mà phải đặt dưới chế độ bảo hộ của pháp luật.

Trường hợp 1, người thành niên nhưng năng lực nhận thức bị biến đổi khiến cho người đó lâm vào tình trạng không thể tự mình thực hiện các quyền của mình. Theo hướng dẫn tại Điều 490 Bộ luật dân sự Pháp thì việc không tự mình thực hiện các quyền của mình là do suy giảm hoặc mất hẳn khả năng nhận thức (Nhà pháp luật Việt – Pháp, 2005). Tại Điều 488 không nêu rõ người này thuộc vào loại năng lực hành vi như thế nào. Tuy vậy, thông qua quy định tại Điều 508 Bộ luật dân sự Pháp (Nhà pháp luật Việt – Pháp, 2005): "*Nếu một người thành niên nêu tại Điều 490, không phải trong tình trạng hoàn toàn mất năng lực hành vi dân sự cần được tư vấn và giám sát khi thực hiện các hành vi dân sự thì người đó có thể được đặt dưới chế độ trợ quản*", có thể thấy người thành niên lâm vào tình trạng không tự mình thực hiện được các quyền của mình được xem là người mất năng lực hành vi dân sự. Căn cứ Điều 492 Bộ luật dân sự Pháp (Nhà pháp luật Việt – Pháp, 2005), người mất năng lực hành vi dân sự này cần phải được giám hộ. Khi đó, người giám hộ sẽ đại diện cho người mất năng lực hành vi thực hiện các quyền của họ.

Trường hợp 2, người thành niên nhưng do hoang phí, do lối sống vô độ hoặc do lười biếng mà rơi vào hoàn cảnh nghèo túng hoặc không đảm bảo được việc thực hiện các nghĩa vụ gia đình. Khi đó, những người thành niên này cũng có thể chịu sự bảo hộ tư pháp (gồm giám hộ và trợ quản). Quy định này hiện nay đã được bãi bỏ bởi Luật năm 2007, thay vào đó người này nếu rơi vào cảnh nghèo túng hoặc không đảm bảo được việc thực hiện các nghĩa vụ gia đình thì xã hội Pháp hiện nay đã có các chính sách bảo trợ xã hội.

Tuy nhiên, bối cảnh kinh tế xã hội của Việt Nam hiện nay, nếu áp đặt chính sách bảo trợ xã hội đối với những người thành niên có lối sống hoang phí, lười biếng… có thể vô hình tạo gánh nặng kinh tế cho Nhà nước, cho xã hội trong khi Việt Nam vẫn là một nước đang phát triển. Đối với vấn đề này, Điều 28 Bộ luật dân sự và thương mại Thái

Lan (Thái Lan vẫn là một nước đang phát triển nhưng tốc độ phát triển kinh tế nhanh hơn so với Việt Nam) hiện nay vẫn quy định những người thành niên có lối sống không lành mạnh, sau khi bị Tòa án tuyên bố hạn chế năng lực hành vi sẽ được đưa vào chế độ giám hộ (Nhà xuất bản chính trị quốc gia, 1995). Vì vậy, trường hợp người thành niên bị đặt dưới chế độ trợ quản do hoang phí, do lối sống vô độ rất hợp lý... Đây là một điểm tiến bộ mà pháp luật Việt Nam cần học hỏi. Bởi lẽ, pháp luật Việt Nam chỉ ghi nhận trường hợp hạn chế năng lực hành vi do nghiện ngập chất kích thích là chưa hợp lý.

Ngoài ra, tiêu chí phá tán tài sản gia đình cũng có điểm bất cập. Điều 24 BLDS năm 2015 chỉ nêu hậu quả của việc nghiện ngập là phá tán tài sản gia đình. Vậy, trong trường hợp người nghiện phá tán tài sản riêng nhưng ảnh hưởng đến quyền, lợi ích của người khác có được tuyên hạn chế năng lực hành vi dân sự hay không? Mục đích của Điều 24 là bảo vệ lợi ích vật chất (tài sản) cho những người có quyền, nghĩa vụ liên quan với người hạn chế năng lực hành vi dân sự. Mà người liên quan lợi ích đầu tiên là những người trong gia đình (cha, mẹ, vợ, chồng, con…), những người này có thể có hoặc không có quyền sở hữu tài sản chung với người nghiện nhưng nhu cầu sinh hoạt hàng ngày của họ lại phụ thuộc vào khối tài sản của người nghiện (hoặc khối tài sản của người nghiện sở hữu chung với người khác). Ngoài người thân thích ra, người nghiện có thể còn xâm phạm đến lợi ích vật chất của những người khác khi phá tán tài sản (của bản thân, của gia đình). Do vậy, tác giả cho rằng để tuyên hạn chế năng lực hành vi dân sự thì điều kiện nên là: nghiện ma túy, chất kích thích khác, nghiện tác nhân phi vật chất dẫn đến hậu quả phá tán tài sản gây thiệt hại đến quyền, lợi ích hợp pháp của người khác, khi đó, có thể tuyên bố người nghiện bị hạn chế năng lực hành vi dân sự. Đồng thời, việc xác định tình trạng "nghiện" cũng cần được giám định bởi chủ thể có chuyên môn, tương tự như giám định việc nghiện đối với trường hợp cai nghiện ma túy tại gia đình, tại cộng đồng.

Ví dụ: A vay tiền của B nhưng chưa đến hạn thực hiện nghĩa vụ trả tiền lại cho B. Khi đó, A lâm vào tình trạng nghiện ngập ma túy, rượu bia dẫn đến tiêu phí rất nhiều tài sản riêng của A. Nếu tình trạng hoang phí tiếp tục diễn ra, B có thể không thu hồi được nợ khi đến hạn. Do vậy, trường hợp này cũng có thể tuyên bố A hạn chế năng lực hành vi dân sự để giới hạn giao dịch A được làm, bảo vệ khối tài sản của A vì lợi ích của những trường hợp như B.

Hướng hoàn thiện

Để khắc phục hạn chế trên, khoản 1 Điều 24 nên sửa đổi như sau: *"Người nghiện ma túy, nghiện các chất kích thích khác, nghiện tác nhân phi vật chất dựa trên kết luận giám định của cá nhân, tổ chức có thẩm quyền, hoặc do lối sống hoang phí vô độ dẫn đến phá tán tài sản của mình, của gia đình thì theo yêu cầu của người có quyền, lợi ích liên quan hoặc của cơ quan, tổ chức hữu quan, Tòa án có thể ra quyết định tuyên bố người này là người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự.*

Cá nhân, tổ chức có thẩm quyền giám định người nghiện ma túy, chất kích thích khác, nghiện tác nhân phi vật chất được xác định theo quy định về tổ chức cai nghiện ma túy tại gia đình, tại cộng đồng".

3 HẬU QUẢ PHÁP LÝ VỀ KHẢ NĂNG THỰC HIỆN QUYỀN, NGHĨA VỤ DÂN SỰ CỦA NGƯỜI HẠN CHẾ NĂNG LỰC HÀNH VI DÂN SỰ - BẤT CẬP VÀ HƯỚNG HOÀN THIỆN

3.1 Hậu quả pháp lý về khả năng thực hiện quyền, nghĩa vụ dân sự của người hạn chế năng lực hành vi dân sự

Theo Điều 24 BLDS năm 2015 thì: *"Việc xác lập, thực hiện giao dịch dân sự liên quan đến tài sản của người bị Tòa án tuyên bố hạn chế năng lực hành vi dân sự phải có sự đồng ý của người đại diện theo pháp luật, trừ giao dịch nhằm phục vụ nhu cầu sinh hoạt hàng ngày hoặc luật liên quan có quy định khác."*

So với BLDS năm 2005 thì BLDS năm 2015 có khác biệt cơ bản là bổ sung thêm ngoại lệ về trường hợp "luật liên quan có quy quy định khác". Tức là, ngoài BLDS, nếu có luật khác quy định cho phép người hạn chế năng lực hành vi dân sự được quyền xác lập, thực hiện giao dịch dân sự liên quan đến tài sản thì người hạn chế năng lực hành vi dân sự có thể xác lập, thực hiện giao dịch dân sự liên quan đến tài sản. Theo BLDS năm 2015, giao dịch dân sự bao gồm hợp đồng và hành vi pháp lý đơn phương. Trong đó, người hạn chế năng lực hành vi dân sự không được tự ý xác lập hợp đồng dân sự, hành vi pháp lý đơn phương liên quan đến tài sản nếu vượt ngoài phạm vi nhu cầu sinh hoạt hang ngày. Ngoài ra, một trong những "luật liên quan có quy định khác" với Điều 24 BLDS năm 2015 là BLTTDS năm 2015. Điều 378 BLTTDS năm 2015 quy định: "*Trong quyết định tuyên bố một người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự, Tòa án phải xác định người đại diện theo pháp luật của người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự và phạm vi đại diện*". Theo quy định này thì phạm vi đại diện của người đại diện cho người hạn chế năng lực hành vi dân sự có thể khác nhau tùy theo phán quyết của

Tòa án. Tức là, sẽ có trường hợp người hạn chế năng lực hành vi dân sự được thực hiện quyền, nghĩa vụ dân sự vượt ngoài phạm vi sinh hoạt hàng ngày nhưng không cần sự đồng ý của người đại diện. Căn cứ vào BLDS năm 2015, người hạn chế năng lực hành vi dân sự sẽ được thực hiện các giao dịch tài sản và các quyền, nghĩa vụ dân sự khác không phải là giao dịch tài sản.

3.1.1 Khả năng thực hiện giao dịch tài sản

Thứ nhất, người hạn chế năng lực hành vi dân sự được thực hiện giao dịch dân sự nhằm phục vụ nhu cầu sinh hoạt hàng ngày. BLDS năm 2005 và BLDS năm 2015 không đưa ra định nghĩa về "nhu cầu sinh hoạt hàng ngày". Áp dụng tương tự pháp luật, khoản 20 Điều 3 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 quy định: "*Nhu cầu thiết yếu là nhu cầu sinh hoạt thông thường về ăn, mặc, ở, học tập, khám bệnh, chữa bệnh và nhu cầu sinh hoạt thông thường khác không thể thiếu cho cuộc sống của mỗi người, mỗi gia đình*". Những giao dịch về nhu cầu thiết yếu phải trực tiếp phục vụ nhu cầu sinh hoạt của người hạn chế năng lực hành vi.

Ví dụ: A là người hạn chế năng lực hành vi dân sự đang cai nghiện tại nhà. Do sức khỏe yếu nên A thường không đủ sức lao động tự nuôi sống bản thân nên anh trai A là B tặng cho mỗi ngày 0,5kg gạo để nấu cơm ăn hàng ngày. A sẽ được tự mình xác lập, thực hiện giao dịch tặng cho này mà không cần phải thông qua người đại diện. Trái lại, nếu A được B tặng cho 2 triệu đồng để A tự chi tiêu thì A muốn nhận cần phải được sự đồng ý của người đại diện, bởi vì quan hệ tặng cho này không trực tiếp phục vụ nhu cầu sinh hoạt hàng ngày do A không thể dùng tiền để trực tiếp ăn, mặc, ở… Hơn nữa, A có thể dùng tiền được cho thỏa mãn cơn nghiện nên giao dịch thứ 2 này A không tự ý quyết định được.

Thứ hai, người hạn chế năng lực hành vi dân sự được xác lập, thực hiện giao dịch tài sản không trực tiếp phục vụ nhu cầu sinh hoạt hàng ngày khi người đại diện đồng ý. Ví dụ: A bị hạn chế năng lực hành vi dân sự, B là vợ và cũng là người đại diện hợp pháp của A. A muốn tặng cho mẹ A một căn nhà thuộc sở hữu của riêng A. Khi đó, nếu B đồng ý thì A mới có thể tự mình xác lập hợp đồng tặng cho.

3.1.2 Khả năng thực hiện quyền, nghĩa vụ dân sự không phải giao dịch tài sản

Người hạn chế năng lực hành vi dân sự được tự mình xác lập, thực hiện quyền, nghĩa vụ dân sự đối với quan hệ dân sự không phải là giao dịch tài sản. Các quyền, nghĩa vụ dân sự này chính là quyền nhân thân vì theo Điều 25 năm BLDS năm 2015, việc thực hiện quyền nhân thân của người hạn chế năng lực hành vi dân sự không cần có sự đồng ý của người đại diện. Căn cứ Điều 24 BLDS năm 2015, luật chỉ giới hạn năng lực hành vi của người hạn chế năng lực hành vi dân sự khi xác lập giao dịch dân sự. Những trường hợp khác luật không hạn chế.

Ví dụ: A sau khi bị Tòa án tuyên bố hạn chế năng lực hành vi dân sự, A vẫn được quyền kết hôn. Một mặt, Luật hôn nhân gia đình không cấm người hạn chế năng lực hành vi dân sự kết hôn. Mặt khác, kết hôn không phải là giao dịch dân sự mà là sự kiện về nhân thân của A nên A phải tự mình xác lập, thực hiện. Như vậy, xét về quyền kết hôn, A vẫn tự mình xác lập, thực hiện mà không cần người đại diện đồng ý.

Suy cho cùng, mục đích của việc tuyên bố một người hạn chế năng lực hành vi dân sự nhằm bảo vệ khối tài sản gia đình. Cho nên, người hạn chế năng lực hành vi vẫn phải có quyền tự mình xác lập, thực hiện các quan hệ dân sự không phải giao dịch dân sự. Hơn nữa, việc hạn chế giao dịch dân sự chỉ nên giới hạn trong phạm vi các giao dịch gây thiệt hại cho khối tài sản gia đình, còn các giao dịch không làm thay đổi khối tài sản gia đình, hoặc làm tăng giá trị tài sản gia đình thì nên cho phép người hạn chế năng lực hành vi dân sự thực hiện. Đồng thời, khi xét yêu cầu tuyên bố giao dịch do người hạn chế năng lực hành vi thực hiện vô hiệu thì nên dựa trên kết quả phá tán tài sản do giao dịch của người hạn chế năng lực hành vi mang đến, nếu hậu quả này xảy ra thì mới có thể tuyên bố giao dịch dân sự vô hiệu.

Ví dụ: A bị hạn chế năng lực hành vi dân sự và A cũng là một trong những người thừa kế di sản của B. Khi tất cả người thừa kế lập văn bản thỏa thuận phân chia di sản, A nên được phép tự mình bày tỏ ý chí về việc phân chia di sản, kể cả việc A muốn nhận di sản, từ chối hay nhường quyền hưởng di sản (miễn sao không nhằm mục đích trốn tránh nghĩa vụ về tài sản của chính A) thì nên cho phép A được tự mình thực hiện thay vì phải được người đại diện đồng ý (Thỏa thuận phân chia di sản là một loại giao dịch dân sự bởi vì thỏa thuận này làm phát sinh quyền, nghĩa vụ cho người thừa kế, người phụ trách việc phân chia di sản).

Ngoài ra, việc tuyên bố hoặc hủy tuyên bố một người hạn chế năng lực hành vi dân sự cũng phải ghi vào sổ hộ tịch theo Luật hộ tịch năm 2014. Việc ghi vào sổ hộ tịch về tình trạng hạn chế năng lực hành vi dân sự góp phần cho Nhà nước quản lý dân cư, trong đó có sự quản lý tình trạng nhân thân của người hạn chế năng lực hành vi dân sự. Đồng thời, bảo vệ kịp thời quyền, lợi ích hợp pháp của chính bản thân người hạn chế năng lực hành vi, người có quyền, nghĩa vụ liên quan. Hơn nữa, hiện

nay, Nhà nước đang tiến hành xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư nên việc ghi vào sổ hộ tịch tình trạng nhân thân của cá nhân rất cần thiết.

3.2 Bất cập và hướng hoàn thiện hậu quả pháp lý về khả năng thực hiện quyền, nghĩa vụ dân sự của người hạn chế năng lực hành vi dân sự

3.2.1 Quyền ly hôn và yêu cầu phân chia tài sản chung khi ly hôn của người hạn chế năng lực hành vi dân sự

Bất cập

Căn cứ Điều 24 và Điều 25 BLDS năm 2015 thì người hạn chế năng lực hành vi dân sự được quyền tự mình yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Theo Điều 24 BLDS năm 2015, người hạn chế năng lực hành vi dân sự chỉ bị xem xét giới hạn khi giao dịch dân sự, tùy mục đích giao dịch, người hạn chế năng lực hành vi có thể tự mình xác lập hoặc cần có sự đồng ý của người đại diện. Tức là, những quyền, nghĩa vụ không nằm trong phạm vi giao dịch dân sự thì người hạn chế năng lực hành vi được phép tự mình thực hiện. Và, Điều 25 BLDS năm 2015 thì người hạn chế năng lực hành vi được tự mình xác lập, thực hiện quyền nhân thân.

Tuy nhiên, theo pháp luật tố tụng dân sự thì người hạn chế năng lực hành vi dân sự không được tự mình tham gia tố tụng. Điều 88 BLTTDS năm 2015 buộc người hạn chế năng lực hành vi dân sự phải tham gia tố tụng thông qua người đại diện, khi không có người đại diện thì phải chỉ định người đại diện cho họ trong tố tụng dân sự. Mặt khác, Luật hôn nhân gia đình năm 2014 không quy định về trường hợp ly hôn của người hạn chế năng lực hành vi. Cho nên, khi muốn ly hôn thì họ chỉ có cách duy nhất là yêu cầu vợ/chồng của mình đơn phương ly hôn. Mà nếu để vợ/chồng ly hôn thì người vợ/chồng này sẽ trở thành người đại diện cho đương sự, vừa là nguyên đơn, vừa là đại diện cho bị đơn về nhân thân và tài sản. Do vậy, không tránh khỏi sự không khách quan, nhất là đối với việc chia tài sản chung của vợ chồng. Đây là điểm thiếu sót của pháp luật, nếu không khắc phục sẽ tiếp tục lặp lại những bất cập trước đây đã vấp phải như bất cập về giải quyết ly hôn cho vợ, chồng có một bên bị bệnh tâm thần.

Qua phân tích, có thể thấy quy định trong BLDS và BLTTDS, Luật hôn nhân & gia đình có sự mâu thuẫn nhau về quyền ly hôn của người hạn chế năng lực hành vi. Trong khi BLDS cho phép người hạn chế năng lực hành vi được quyền tự mình thực hiện quyền ly hôn, ngược lại, BLTTDS và Luật hôn nhân & gia đình không cho người hạn chế năng lực hành vi tự mình thực hiện quyền ly hôn.

Bên cạnh quyền ly hôn, quyền yêu cầu phân chia tài sản chung của người hạn chế năng lực hành vi cũng có bất cập. Quyền đại diện liên quan đến phân chia tài sản của người hạn chế năng lực hành vi dân sự khi chưa ly hôn vẫn chưa có quy định cụ thể. Cơ bản, nếu như một người bị tuyên bố hạn chế năng lực hành vi dân sự khi chưa ly hôn thì người đại diện sẽ là vợ/chồng của họ. Do vậy, sẽ không có người có quyền đại diện cho người hạn chế năng lực hành vi để yêu cầu phân chia tài sản trong thời kỳ hôn nhân hoặc phân chia tài sản kèm cùng lúc với yêu cầu ly hôn.

Hướng hoàn thiện

Người hạn chế năng lực hành vi dân sự vẫn có khả năng nhận thức, làm chủ hành vi, trừ những lúc bị cơn nghiện chi phối. Đồng thời, mục đích tuyên bố hạn chế năng lực hành vi nhằm tránh việc phá tán tài sản. Do vậy, người hạn chế năng lực hành vi chỉ nên bị hạn chế về những giao dịch tài sản, còn đối với những giao dịch không phải tài sản hoặc những quyền, nghĩa vụ dân sự khác không nên hạn chế người hạn chế năng lực hành vi tự mình xác lập, thực hiện quyền, nghĩa vụ. Nếu như người nghiện bị mất khả năng nhận thức thì đã chuyển tiếp sang trạng thái mất năng lực hành vi dân sự được điều chỉnh tại Điều 22 BLDS năm 2015. Vì thế, đối với quyền nhân thân về ly hôn, pháp luật nên cho phép người hạn chế năng lực hành vi dân sự được tự mình khởi kiện, yêu cầu Tòa án cho phép người này ly hôn với vợ/chồng của người này. Theo đó, BLTTDS và Luật hôn nhân & gia đình nên sửa đổi theo hướng cho phép người hạn chế năng lực hành vi dân sự được quyền tự mình thực hiện quyền ly hôn cho tương thích với BLDS. Pháp luật nên cho phép người hạn chế năng lực hành vi dân sự cũng được quyền yêu cầu phân chia tài sản trong thời kỳ hôn nhân hoặc phân chia cùng lúc với ly hôn. Sau khi phân chia, tài sản của người hạn chế năng lực hành vi sẽ giao cho người đại diện quản lý.

3.2.2 Vấn đề bảo vệ người hạn chế năng lực hành vi dân sự khi bị chính người đại diện xâm phạm lợi ích hợp pháp

Bất cập

Ví dụ: Anh H và chị G là vợ chồng. Anh H bị Tòa án tuyên bố hạn chế năng lực hành vi dân sự, chị G là đại diện hợp pháp cho anh H. Chị G sẽ quản lý tài sản của anh H để hạn chế việc phá tán tài sản của chồng mình. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện quyền đại diện, chị G xâm phạm đến tài sản của chồng. Vậy, ai sẽ là người khởi kiện chị G để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh H? Mọi giao dịch tài sản, kiện tụng về tài sản của anh H phải do chị G thực hiện. Chị G không thể, không

bao giờ khởi kiện chính mình. Trong khi đó, anh H lại không có năng lực hành vi tố tụng dân sự nên không tự mình bảo vệ lợi ích hợp pháp. Anh H cũng không thể tự làm đơn yêu cầu Tòa án hủy quyết định tuyên bố anh H hạn chế năng lực hành vi dân sự được vì theo Điều 387 BLTTDS năm 2015 thì muốn hủy quyết định phải không còn ở trong trạng thái bị tuyên bố.

Pháp luật dân sự chưa quy định về trường hợp người đại diện theo pháp luật của người hạn chế năng lực hành vi (kể cả trường hợp người đại diện của người chưa thành niên) xâm phạm đến lợi ích về tài sản, xâm phạm đến sức khỏe của người được đại diện thì ai sẽ khởi kiện bảo vệ lợi ích hợp pháp cho người được đại diện.

Ví dụ: Bản án số 906/2008/DS-PT ngày 18/8/2008 của Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh giải quyết tranh chấp hợp đồng vay tài sản (Đỗ Văn Đại, 2013). Người vay là bà Anh đã ký hợp đồng vay với hai tư cách là nhân danh cá nhân và đại diện cho bà Thảo (con gái chưa thành niên của bà Anh). Trong hợp đồng thế chấp tài sản có ½ tài sản của Thảo, Tòa án nhân dân cũng có nhận định cho dù bà Anh có đồng ý thế chấp thì cũng vô hiệu vì vi phạm lợi ích của người được đại diện. Vụ việc này được xem xét vì tranh chấp hợp đồng vay phát sinh, bên cho vay khởi kiện để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình. Nếu như không có sự khởi kiện của bên cho vay thì quyền lợi của bà Thảo vẫn không ai xem xét yêu cầu Tòa án bảo vệ.

Ví dụ: Bản án số 37/2008/DS-ST ngày 14/5/2008 của Tòa án nhân dân huyện Châu Đốc, tỉnh An Giang giải quyết tranh chấp hợp đồng vay tài sản giữa bà Thủy và bà Lợi (Đỗ Văn Đại, 2013). Bên đi vay (bà Lợi) đã lập một biên nhận nợ, trong biên nhận chồng và hai con (chưa thành niên) của bà Lợi điểm chỉ và ký tên. Tòa án nhận định hai con bà Lợi chưa thành niên nên chưa có đủ năng lực hành vi dân sự để tham gia giao kết hợp đồng vay. Trong bản án này, nếu như không có việc bên cho vay khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay thì bà Lợi cũng không tự mình yêu cầu Tòa án tuyên bố giao dịch vô hiệu, mặc dù, BLDS cho phép người đại diện có quyền khởi kiện yêu cầu tuyên bố giao dịch vô hiệu trong trường hợp này. Mặt khác, nếu như người đại diện có khởi kiện thì người này cũng không thể trở thành đại diện theo pháp luật cho đương sự vì họ không thể vừa là người vi phạm quyền dân sự, vừa là người đại diện cho bên có quyền dân sự bị vi phạm.

Tương tự, nếu người hạn chế năng lực hành vi rơi vào hoàn cảnh như người chưa thành niên trong hai ví dụ trên thì BLDS năm 2015 cũng chưa có cơ chế bảo vệ người hạn chế năng lực hành vi. Trong khi đó, quan hệ đại diện không có người giám sát việc đại diện giống như giám sát việc giám hộ. Ngoài ra, Điều 187 BLTTDS năm 2015 chỉ cho phép cá nhân, cơ quan, tổ chức khởi kiện thay cho người khác khi được luật cho phép, đa phần là án lao động hoặc hôn nhân gia đình, không thấy đề cập đến án dân sự (tài sản, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, hợp đồng...). Do vậy, việc bảo vệ quyền dân sự thuần túy của người hạn chế năng lực hành vi dân sự chưa được luật quy định trong trường hợp người đại diện xâm phạm đến lợi ích hợp pháp của người được đại diện.

Hướng hoàn thiện

Bộ luật dân sự cần bổ sung quy định về giám sát việc đại diện theo pháp luật đối với người hạn chế năng lực hành vi dân sự, cha, mẹ đại diện cho con chưa thành niên và quy định cho người giám sát có quyền khởi kiện khi người đại diện xâm phạm đến lợi ích của người được đại diện. Đồng thời, khi quan hệ tố tụng phát sinh, đặc biệt là trường hợp yêu cầu Tòa án tuyên bố giao dịch dân sự vô hiệu mà giao dịch này do chính người đại diện xác lập, thì khi đó cần cử một đại diện khác cho đương sự trong tố tụng dân sự.

3.2.3 Bất cập về khả năng thực hiện giao dịch dân sự vượt ngoài phạm vi nhu cầu sinh hoạt hàng ngày

Bất cập

Điều 625 BLDS năm 2015 không cấm người hạn chế năng lực hành vi dân sự lập di chúc. Điều 625 đặt ra điều kiện về chủ thể lập di chúc chỉ cần thành niên, minh mẫn, sáng suốt, tự nguyện, không bị lừa dối, đe dọa, cưỡng ép thì di chúc đã thỏa điều kiện về chủ thể. Như vậy, Điều 625 BLDS không cấm người hạn chế năng lực hành vi dân sự lập di chúc miễn sao tại thời điểm lập di chúc người này không vi phạm Điều 625 BLDS.

Vấn đề là việc lập di chúc của người hạn chế năng lực hành vi dân sự lại không cần sự đồng ý của người đại diện vì trong các quy định về thừa kế không có quy định bắt buộc di chúc của người hạn chế năng lực hành vi dân sự cần có sự đồng ý của người đại diện theo pháp luật. Mặc dù Điều 24 BLDS có quy định chung về khả năng xác lập giao dịch dân sự của người hạn chế năng lực hành vi dân sự, nhưng quy định này chưa chắc được áp dụng vào quan hệ thừa kế. Bởi lẽ, ở trường hợp tương tự, người chưa thành niên đủ 15 tuổi nếu muốn lập di chúc thì cần có sự đồng ý của người đại diện trong khi vấn đề xác lập giao dịch dân sự của người chưa thành niên đã được quy định tại Điều 21 BLDS. Điều này có nghĩa, quy định ở

phần chung không đương nhiên trở thành quy định của phần thừa kế trong BLDS. Do đó, có thể kết luận người hạn chế năng lực hành vi dân sự vẫn có khả năng tự mình lập di chúc. Thực tế thấy rằng, việc lập di chúc định đoạt tài sản không mang tính "phá tán" tài sản, nếu đến thời điểm mở thừa kế còn di sản thì sẽ phân chia theo di chúc, nếu không còn di sản thì di chúc thất hiệu. Từ việc luật cho phép người hạn chế năng lực hành vi dân sự lập di chúc để định đoạt tài sản sau khi chết không cần có sự đồng ý của người đại diện, suy đoán, đối với giao dịch dân sự không phá tán tài sản thì người hạn chế năng lực hành vi dân sự được phép tự mình thực hiện.

Tuy nhiên, Điều 24 BLDS năm 2015 quy định "việc xác lập, thực hiện giao dịch dân sự liên quan đến tài sản của người bị Tòa án tuyên bố hạn chế năng lực hành vi dân sự phải có sự đồng ý của người đại diện theo pháp luật, trừ giao dịch nhằm phục vụ nhu cầu sinh hoạt hàng ngày hoặc luật liên quan có quy định khác". Tức là, Điều 24 quy định về nguyên tắc, việc thực hiện giao dịch dân sự vượt ngoài phạm vi sinh hoạt hàng ngày (gồm những giao dịch "phá tán" tài sản và những giao dịch không phá tán tài sản) đều cần sự đồng ý của người đại diện. Nếu một giao dịch nào đó không cần sự đồng ý của người đại diện thì phải được "luật liên quan có quy định khác", tức là, nếu không có luật khác quy định cụ thể thì mọi giao dịch tài sản vượt ngoài phạm vi nhu cầu sinh hoạt hàng ngày đều cần người đại diện đồng ý. Điều này không hợp lý, bởi vì mục đích tuyên bố hạn chế năng lực hành vi nhằm không cho người nghiện "phá tán" tài sản. Do vậy, những giao dịch rõ ràng không có mục đích phá tán tài sản nên cho phép người hạn chế năng lực hành vi tự mình xác lập mà không cần phụ thuộc vào "luật liên quan có quy định khác" như trong Điều 24 BLDS năm 2015 quy định.

Hướng hoàn thiện

Người hạn chế năng lực hành vi dân sự thực chất vẫn nhận thức, điều khiển được hành vi nếu họ chưa bị nghiện ngập đến mức ảnh hưởng tâm thần kinh làm mất khả năng nhận thức, điều khiển hành vi. BLDS cũng không quy định người hạn chế năng lực hành vi cần phải được giám hộ. Cho nên, thực chất người hạn chế năng lực hành vi vẫn có khả năng nhận thức, điều khiển hành vi và được phép lập di chúc. Từ những phân tích trên, khoản 2 Điều 24 BLDS năm 2015 nên sửa đổi theo hướng cho phép người hạn chế năng lực hành vi tự mình xác lập, thực hiện các giao dịch dân sự không nhằm mục đích phá tán tài sản. Cụ thể:

"Việc xác lập, thực hiện giao dịch dân sự liên quan đến tài sản của người bị Tòa án tuyên bố hạn chế năng lực hành vi dân sự phải có sự đồng ý của người đại diện theo pháp luật, trừ giao dịch có căn cứ rõ ràng không phá tán tài sản gia đình hoặc luật liên quan có quy định khác".

Kết luận, quy định về hạn chế năng lực hành vi dân sự trong BLDS năm 2015 tuy có sửa đổi so với BLDS năm 2005 nhưng vẫn còn nhiều nội dung chưa rõ ràng, cần được hướng dẫn chi tiết. Bài viết đã tiến hành phân tích, làm rõ những hạn chế về: Điều kiện xác định người hạn chế năng lực hành vi dân sự; Hậu quả pháp lý về khả năng thực hiện quyền, nghĩa vụ dân sự của người hạn chế năng lực hành vi dân sự. Trong đó, phân tích, làm rõ các vấn đề:

Một là, vấn đề về điều kiện xác định người hạn chế năng lực hành vi dân sự. Theo đó, Điều 24 BLDS năm 2015 chỉ quy định tác nhân gây nghiện là ma túy, chất kích thích khác. Tuy nhiên, trên thực tế việc phá tán tài sản còn do nhiều nguyên nhân, như: từ tác nhân phi vật chất (nghiện cờ bạc, nghiện game…), do lối sống hoang phí... Do vậy, bài viết đề xuất sửa đổi Điều 24 theo hướng bổ sung tác nhân gây nghiện và điều kiện tuyên bố một người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự.

Hai là, vấn đề về hậu quả pháp lý đối với khả năng thực hiện quyền, nghĩa vụ dân sự của người hạn chế năng lực hành vi. Bài viết làm rõ các hậu quả như: khả năng thực hiện quyền ly hôn của người hạn chế năng lực hành vi dân sự, về cơ chế bảo vệ người hạn chế năng lực hành vi dân sự khi bị người đại diện xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp và khả năng thực hiện giao dịch dân sự vượt ngoài phạm vi nhu cầu sinh hoạt hàng ngày. Sau đó, đề xuất sửa đổi điều 24 BLDS năm 2015 theo hướng cho phép người hạn chế năng lực hành vi dân sự được phép thực hiện những giao dịch dân sự không có tính chất phá tán tài sản. Đồng thời, bổ sung cơ chế giám sát việc đại diện để tránh trường hợp người đại diện xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của người hạn chế năng lực hành vi".

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Bộ lao động thương binh xã hội, Bộ y tế, Bộ công an (2012), Thông tư liên tịch số 03/2012/TTLT-BLĐTBXH-BYT-BCA Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 94/2010/NĐ-CP ngày 09/9/2010 của Chính phủ quy định về tổ chức cai nghiện ma túy tại gia đình, cai nghiện ma túy tại cộng đồng.

Bộ y tế (2007), Quyết định số 5075/QĐ-BYT ngày 12/12/2007 Hướng dẫn chẩn đoán người nghiện ma túy nhóm Opiats (chất dạng thuốc phiện).

Chính phủ (2013), Nghị định 82/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 về Ban hành danh mục các chất ma túy và tiền chất.

Đỗ Văn Đại, 2013. Luật hợp đồng Việt Nam – bản án và bình luận bản án – tập 1. NXB Chính trị quốc gia – sự thật, Hà Nội.

Hà Quyên, 2016. Nghiện cờ bạc: Bệnh tâm thần có tính di truyền. < http://www.phapluatplus.vn/nghien-co-bac-benh-tam-than-co-tinh-di-truyen-d14183.html>. [Truy cập ngày 27/7/2016].

Hoàng Phê (chủ biên), 1998. Từ điển tiếng Việt. NXB Khoa học xã hội, Hà Nội.

Hoàng Thế Liên, 2008. Bình luận khoa học Bộ luật dân sự năm 2005. NXB Chính trị quốc gia năm, Hà Nội.

Nguyễn Khắc Dũng, 2016. Nghiện cờ bạc. < http://www.maihuong.gov.vn/vi/chuong-trinh-phong-chong-ma-tuy/59-n-co-bac.html>. [Truy cập ngày 27/7/2016].

Nguyễn Văn Hải, 2011. Làm gì để người nghiện không phá tán tài sản. <http://cand.com.vn/Ban-doc-cand/Lam-gi-de-quan-ly-nguoi-nghien-khong-pha-tan-tai-san-110995/>. [Truy cập ngày 26/7/2016].

Nhà pháp luật Việt – Pháp, 2005. Bộ luật dân sự Pháp. NXB Tư pháp, Hà Nội.

Quốc hội (2005), Bộ luật dân sự 2005.

Quốc hội (2014), Luật hộ tịch 2014.

Quốc hội (2014), Luật hôn nhân gia đình 2014.

Quốc hội (2015), Bộ luật dân sự 2015.

Quốc hội (2015), Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Trung tâm điều dưỡng và cai nghiện ma túy Thanh Đa (biên soạn), 2016. Các chất kích thích. <http://cainghienmatuythanhda.com.vn/ma-tuy-va-cac-chat-gay-nghien/ma-tuy-cac-chat-gay-kich-thich-stimulantes.html>. [Truy cập ngày 26/7/2016].

Văn phòng Quốc hội (2013), Văn bản hợp nhất số 13/VBHN-VPQH ngày 23/7/2013 Luật phòng chống ma túy.